

Tây Ninh, ngày 14 tháng 7 năm 2019

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030

Thực hiện Công văn số 3016/BTNMT-VCLCS của Bộ Tài nguyên và Môi trường ngày 26/6/2019 về việc báo cáo tình hình thực hiện Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh báo cáo như sau:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA ĐẾN NĂM 2020

I. CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG VIỆC THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC

1.1. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CỦA CHIẾN LƯỢC

1.1.1 Giảm về cơ bản các nguồn gây ô nhiễm môi trường

a) Không để phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường mới

- 100% cơ sở sản xuất, kinh doanh xây dựng mới đạt yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Không có cơ sở đang gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh.

- 100% khu công nghiệp đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

- 35% xã đạt chuẩn vệ sinh môi trường theo tiêu chí nông thôn mới.

- Không có vụ sự cố hóa chất, phóng xạ, hạt nhân.

- 11.11% khu đô thị loại IV trở lên có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu.

- 100% khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu.

- 80,6% chất thải rắn đô thị, nông thôn được thu gom.

- 12% chất thải rắn được tái sử dụng, tái chế hoặc thu hồi năng lượng, sản xuất phân bón.

- 100% chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy.

- 100% chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy.

- 100% bãie chôn lấp chất thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và hợp vệ sinh.

b) *Khắc phục, cải tạo môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái; cải thiện điều kiện sống của người dân*

- Không có diện tích đất bị nhiễm độc, tồn dư đì-ô-xin, hóa chất, thuốc BVTV, các chất gây ô nhiễm được xử lý, cải tạo.

- 100% dân số đô thị được cung cấp nước sạch.

- 97,7% dân số nông thôn được cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

- 92,64% hộ gia đình nông thôn có công trình vệ sinh đạt yêu cầu.

- 5,45% diện tích đất cây xanh công cộng trong các đô thị, khu dân cư.

- Hàm lượng các chất độc hại trong không khí ở đô thị, khu dân cư đạt theo quy chuẩn quy định.

c) *Giảm nhẹ mức độ suy thoái, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên; kiềm chế tốc độ suy giảm đa dạng sinh học*

- Diện tích mặt nước ao, hồ, kênh, mương, sông trong các đô thị, khu dân cư không giảm so với năm 2010.

- Số vùng bị cạn kiệt nguồn nước do khai thác quá mức không tăng so với năm 2010.

- Tỷ lệ che phủ của rừng đạt 43,2%.

- Diện tích rừng nguyên sinh không giảm so với năm 2010.

- Không có loài quý, hiếm bị đe dọa tuyệt chủng.

- Không có loài quý, hiếm bị tuyệt chủng.

- Không có nguồn gen quý, có giá trị bị mất.

- Không suy giảm khu di sản thiên nhiên, cảnh quan, nét đẹp của thiên nhiên.

- Không xảy ra vụ mất an toàn sinh học có nguyên nhân từ sinh vật biến đổi gen.

- Số loài và mức độ xâm hại của các loài ngoại lai xâm hại môi trường không tăng so với năm 2010.

d) *Tăng cường khả năng chủ động ứng phó với BĐKH, giảm nhẹ tốc độ gia tăng phát thải khí nhà kính*

- 50% số dân hiểu biết, có kiến thức ứng phó, thích nghi, sống chung với BĐKH (ước tính chưa thống kê).

- 100% các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án có tính đến các tác động của BĐKH, nước biển dâng.

- 50% cộng đồng dân cư cấp làng, xóm, thôn được xây dựng năng lực chủ động ứng phó với BĐKH, thiên tai (ước tính chưa thống kê).

- Mức phát thải khí nhà kính trên 1 đơn vị GDP giảm 7,0% so với năm 2010.

1.2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG, BIỆN PHÁP

1.2.1 Giảm về cơ bản các nguồn gây ô nhiễm môi trường

a) Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu không để phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường mới

Để bảo vệ môi trường, UBND tỉnh đã thường xuyên chỉ đạo các sở, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố và Phòng Cảnh sát Phòng, chống tội phạm về môi trường tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo báo cáo ĐTM được phê duyệt. Trên cơ sở thực tế tại các dự án để rà soát, đánh giá hiệu quả các biện pháp quản lý, xử lý ô nhiễm và đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh bổ sung nhất là các khu công nghiệp, khu chế xuất, các nhà máy chế biến khoai mì, cao su trên địa bàn tỉnh.

Ngoài Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Tây Ninh đến năm 2020 được phê duyệt Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và dự án phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đều được thẩm định các yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi phê duyệt. Thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai thực hiện. Đối với các dự án đầu tư mới đều được thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định. Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh cũng như các quy hoạch phát triển đô thị, khu công nghiệp, bãi chôn lấp chất thải rắn,.. nhìn chung đều gắn liền với quy hoạch bảo vệ môi trường.

Tỉnh Tây Ninh luôn chú trọng nhiệm vụ bảo vệ môi trường ngay từ giai đoạn xét chủ trương đầu tư dự án, kiên quyết không cấp phép đầu tư dự án sử dụng công nghệ lạc hậu gây ô nhiễm môi trường và dự án tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao nhưng chưa có giải pháp công nghệ xử lý chất thải hiệu quả. Các dự án được chấp thuận chủ trương đầu tư phải được thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường trước khi xây dựng và phải thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trước khi hoạt động nhằm ngăn ngừa hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường.

b) Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu giảm các nguồn hiện đang gây ô nhiễm môi trường

Công tác rà soát, đánh giá, phân loại, lập danh mục và tổ chức thực hiện xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ đã được triển khai quyết liệt, có hiệu quả.

Theo Quyết định số 1788/QĐ -TTg ngày 1/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng đến năm 2020 (Quyết định số 1788/QD-TTg) tỉnh Tây Ninh phải xử lý triệt để 01 khu chế xuất, 01 nhà máy hóa chất và 09 cơ sở y tế. Kết quả: 01 khu chế xuất, 01 nhà máy hóa chất và 05 cơ sở y tế thực hiện hoàn chỉnh và được xác nhận, còn lại 04 cơ sở y tế đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải và đang vận hành thử nghiệm, lập hồ sơ kiểm tra xác nhận hoàn thành.

Tỉnh Tây Ninh đã triển khai thực hiện hoàn thành 03 dự án:

- Điều tra, khảo sát, xác định mức độ ô nhiễm và phạm vi ô nhiễm tại các điểm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu phát sinh, chưa xác định chính xác mức độ ô nhiễm và đề xuất các biện pháp xử lý trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Điều tra, xác định các khu vực bị ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Xây dựng Báo cáo chuyên đề về môi trường tỉnh Tây Ninh năm 2016: Một số giải pháp cấp bách bảo vệ nguồn nước hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Kết quả: Trên địa bàn tỉnh chỉ có các khu vực ô nhiễm môi trường nước mặn, không có điểm ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu, không có khu vực ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

c) Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu giải quyết cơ bản các vấn đề môi trường tại các khu công nghiệp, lưu vực sông, làng nghề và vệ sinh môi trường nông thôn

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 05/05 Khu công nghiệp đang hoạt động đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung đạt cột A quy chuẩn quy định. Các nhà máy bên trong khu, cụm công nghiệp đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom, xử lý chất thải đúng theo quy định mới đưa vào hoạt động. Các khu, cụm công nghiệp đều xây dựng trạm trung chuyển chất thải rắn và thực hiện công tác xử lý đúng theo quy định.

Trên địa bàn tỉnh hiện có 01 làng nghề truyền thống (đan đát thuộc huyện Hòa Thành) và 10 nghề truyền thống đã được UBND tỉnh ban hành quyết định công nhận. UBND tỉnh giao Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai thực hiện các dự án: “Xử lý môi trường tại các làng nghề truyền thống đúc gang, nhôm áp Trường Thọ, xã Trường Thọ, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh”; “Điều tra, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường làng nghề; xây dựng kế hoạch, giải pháp, lộ trình bảo vệ môi trường, xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề trên địa bàn tỉnh” và “Mô hình xử lý chất thải thí điểm cho một số cơ sở, hộ sản xuất ngành nghề điển hình và định hướng nhân rộng mô hình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh”.

d) Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu bảo đảm an toàn hóa chất, an toàn bức xạ, hạt nhân

UBND tỉnh Tây Ninh giao Sở Công Thương triển khai thực hiện dự án “Đề án phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2020”; “Tăng cường công tác bảo vệ môi trường tại các doanh nghiệp có hoạt động hóa chất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh”.

đ) Nhóm nội dung biện pháp hướng tới mục tiêu nâng tỷ lệ khu đô thị, khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu

Tỉnh Tây Ninh đã thực hiện dự án thu gom và xử lý nước thải tập trung của thị trấn Dương Minh Châu.

Các Khu công nghiệp đang hoạt động đã lắp đặt thiết bị quan trắc tự động, liên tục và truyền số liệu về Ban Quản lý Khu kinh tế; có 10/50 nhà máy xả nước thải có

lưu lượng nước thải trên 1.000 m³/ngày đã lắp đặt thiết bị quan trắc tự động, liên tục và đang rà soát, bổ sung thiết bị kết nối, truyền số liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ sở còn lại đang tiếp tục triển khai thực hiện.

Thực hiện Nghị định số 154/2016/NĐ-CP ngày 16/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ về thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải. Giai đoạn 2013 – 2018, tỉnh Tây Ninh đã thu được tổng số tiền là 25.882.000.000 đồng.

e) Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu giảm tác động lên môi trường từ khai thác khoáng sản

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 52/2013/QĐ-UBND ngày 26/11/2013 phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2013-2015, tầm nhìn đến năm 2020 và Quyết định số 3172/QĐ-UBND ngày 26/12/2018 phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường và than bùn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

UBND tỉnh Tây Ninh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường lập Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó, lồng ghép nội dung khoanh định, công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất.

Công tác cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản được quan tâm thường xuyên và từng bước đi vào nề nếp, các hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mới và gia hạn đã thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường là 100%, thực hiện nghĩa vụ nộp phí bảo vệ môi trường theo quy định.

g) Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu nâng tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, tái chế, tái sử dụng; giảm dần sản xuất và sử dụng túi, bao gói khó phân hủy

UBND tỉnh Tây Ninh đã ban hành Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 21/11/2013 phê duyệt đồ án Quy hoạch chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2020 định hướng đến năm 2030 và Quyết định số 3069/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 phê duyệt điều chỉnh đồ án Quy hoạch chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2020 định hướng đến năm 2030. Hiện tại, đã quy hoạch 04 khu xử lý chất thải rắn tập trung có tổng diện tích 67,80 ha, đóng cửa 11 bãi rác không phù hợp quy hoạch, gây ô nhiễm môi trường. Đến nay, tỉnh đã xây dựng và đưa vào hoạt động 02 khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp, đang triển khai xây dựng 02 khu và đã đóng cửa khắc phục ô nhiễm môi trường 11/11 bãi rác.

UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Kế hoạch số 1552/KH-UBND ngày 12/6/2017 về thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017 - 2020 và Kế hoạch số 2348/KH-UBND ngày 05/9/2017 về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Trong thời gian qua việc nhập khẩu phế liệu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh được thực hiện nghiêm túc theo các quy định về nhập khẩu phế liệu. Thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác nhập khẩu phế liệu trên địa bàn tỉnh.

h) Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu nâng tỷ lệ chất thải nguy hại, chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy đạt quy chuẩn kỹ thuật, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy

UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 2349/KH-UBND ngày 05/9/2017 về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Tây Ninh nhằm quản lý và xử lý triệt để chất thải y tế phát sinh tại các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh, đảm bảo 100 % cơ sở y tế xử lý chất thải rắn nước thải đạt quy chuẩn. Hiện nay, 09/9 Trung tâm y tế, huyện thành phố và 01 Bệnh viện đa khoa tỉnh, 02 Bệnh viện tư nhân đều đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải, lò đốt chất thải rắn y tế nguy hại đạt quy định, các cơ sở y tế cấp xã, phường, phòng khám tư nhân thì chuyển giao cho các Trung tâm y tế cấp huyện để xử lý.

Trên địa bàn tỉnh có 02 Công ty được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại. Hiện nay, các chủ nguồn chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh đều đã đăng ký chủ nguồn thải và hợp đồng với đơn vị có chức năng để xử lý đạt 100% chất thải nguy hại phát sinh.

1.2.2. Khắc phục, cải tạo môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái; cải thiện điều kiện sống của người dân.

a) Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu cải tạo, phục hồi hồ, ao, kênh, mương, đoạn sông đã bị ô nhiễm, suy thoái trong các đô thị, khu dân cư

Dự án đầu tư xây dựng công trình Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thành phố Tây Ninh bằng nguồn vốn ODA của Italia và ngân sách nhà nước đã được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án tại Quyết định số 835/QĐ-UBND ngày 12/4/2017; Dự án nhà máy xử lý nước thải và mạng lưới đường ống đô thị Mộc Bài bằng nguồn vốn ADB, đang triển khai thi công xây dựng.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 587/QĐ-UBND ngày 05/3/2018 về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán Đề án kiểm soát tổng thể chống ngập úng đô thị khu vực thành phố Tây Ninh và huyện Hòa Thành.

b) Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu xử lý, cải tạo các vùng đất bị nhiễm độc, tồn dư di-ô-xin, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và các chất gây ô nhiễm khác

Tỉnh Tây Ninh đã triển khai thực hiện hoàn thành 03 dự án:

- Điều tra, khảo sát, xác định mức độ ô nhiễm và phạm vi ô nhiễm tại các điểm hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu phát sinh, chưa xác định chính xác mức độ ô nhiễm và đề xuất các biện pháp xử lý trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Điều tra, xác định các khu vực bị ô nhiễm môi trường, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Xây dựng Báo cáo chuyên đề về môi trường tỉnh Tây Ninh năm 2016: Một số giải pháp cấp bách bảo vệ nguồn nước hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Kết quả: Trên địa bàn tỉnh chỉ có các khu vực ô nhiễm môi trường nước mặt, không có điểm ô nhiễm môi trường do hóa chất bảo vệ thực vật tồn lưu, không có khu vực ô nhiễm môi trường nghiêm trọng.

c) Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu phục hồi, tái sinh các hệ sinh thái tự nhiên đã bị suy thoái, đặc biệt là rừng ngập mặn

Tỉnh Tây Ninh đã triển khai thực hiện dự án “Điều tra, đánh giá, theo dõi môi trường nước tại Vườn quốc gia Lò Gò – Xa Mát”.

Trên địa bàn tỉnh không có hệ sinh thái rừng ngập mặn.

d) Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu cải thiện chất lượng môi trường không khí trong các đô thị, khu dân cư

Thực hiện Dự án “Điều tra, đánh giá hiện trạng ô nhiễm không khí do giao thông”. Hàng năm, triển khai thực hiện quan trắc môi trường không khí tại các khu vực đô thị, khu dân cư.

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2977/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 về việc phê duyệt Đề án Mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018-2020. Trong đó, năm 2019, triển khai lắp đặt 02 trạm quan trắc không khí tự động.

Thường xuyên kiểm tra các quy định, yêu cầu, biện pháp phòng, chống ô nhiễm từ các công trình xây dựng, từ hoạt động vận chuyển các loại chất thải, vật liệu xây dựng trong các đô thị, khu dân cư; kiên quyết dừng hoặc không cho phép triển khai đối với các công trình không bảo đảm yêu cầu về bảo vệ môi trường.

đ) Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường khu vực đô thị và nông thôn

Triển khai thực hiện chương trình “Cùng nông dân Bảo vệ môi trường” với các nội dung như: Tập huấn kiến thức sử dụng thuốc BVTV an toàn, hiệu quả cho nông dân; Hỗ trợ các bể chứa bao bì, vỏ chai thuốc BVTV; Ra quân thu gom bao bì, rác thải thuốc BVTV và mang đi tiêu hủy.

Bao bì trừ dịch hại, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, chất thải trong nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản; hóa chất bảo vệ thực vật nhập lậu, hết hạn sử dụng hiện nay được thu giữ tại kho chứa của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật. Hàng năm, tinh phân bổ kinh phí sự nghiệp môi trường để thu gom, xử lý, tiêu hủy đúng theo quy định.

1.2.3. Giảm nhẹ mức độ suy thoái, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên; kiềm chế tốc độ suy giảm đa dạng sinh học.

a) Nhóm nhiệm vụ, biện pháp hướng tới mục tiêu sử dụng tài nguyên đất hiệu quả và bền vững; khắc phục tình trạng mất đất nông nghiệp do chuyển đổi mục đích sử dụng, thoái hóa, bạc màu, hoang mạc hóa

Hiện nay trên địa bàn tỉnh, chủ yếu các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản tự bỏ vốn để đầu tư thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản (chủ yếu là đất san lấp) và được cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo đúng quy định.

Tiến hành kiểm tra, kiểm soát khai thác thuỷ sản trái pháp luật, tổ chức tuyên truyền pháp luật đến người dân.

b) Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm nhẹ tình trạng thiếu nước theo mùa và cục bộ theo vùng

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường lập Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2015-2020, tầm nhìn đến năm 2030. Trong đó, lồng ghép nội dung khoanh định, công bố vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất.

UBND tỉnh đã ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường cấp 153 giấy phép về lĩnh vực tài nguyên nước, gồm: 35 giấy phép xả nước thải vào nguồn nước, 123 giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất.

c) Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu hạn chế mức độ suy giảm nguồn lợi thủy sản

Thường xuyên tuyên truyền cho các ngư dân những văn bản pháp luật liên quan đến thủy sản. Phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành thanh, kiểm tra việc sử dụng ngư cụ cấm để khai thác thủy sản trên sông Vàm Cỏ Đông, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.

d) Nhóm nhiệm vụ, biện pháp hướng tới mục tiêu nâng tỷ lệ che phủ của rừng và nâng cao chất lượng rừng

Thực hiện kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn năm 2011-2020, trồng cây phân tán, hoàn chỉnh đê án chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh. Tỷ lệ che phủ rừng đạt 37,4% (đạt 100% kế hoạch).

Các Sở, ngành và chính quyền các cấp đã tích cực thực hiện chủ trương hạn chế khai thác rừng tự nhiên và thực hiện các chương trình quản lý, bảo vệ và phát triển rừng với tổng diện tích 71.400 ha, chiếm 16,1% diện tích tự nhiên toàn tỉnh gồm: Khoanh nuôi, tái sinh 36.842 ha; trồng mới 3.642 ha (2.408 ha rừng đặc dụng và phòng hộ, 1.234 ha rừng sản xuất); chăm sóc 11.279 ha (10.000 ha rừng đặc dụng và phòng hộ, 1.279 ha rừng sản xuất).

Tình trạng vi phạm các quy định của pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng giảm dần cả về số vụ và mức độ thiệt hại; công tác phòng cháy, chữa cháy rừng tiếp tục được quan tâm chỉ đạo theo phương châm “bốn tại chỗ”, nhiều chính sách, chương trình, đề án về bảo vệ và phát triển rừng nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai, bảo tồn đa dạng sinh học và bảo vệ môi trường rừng đã được quan tâm triển khai thực hiện có hiệu quả.

d) Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu bảo vệ các vùng đất ngập nước tự nhiên, thảm cỏ biển, rạn san hô và các hệ sinh thái tự nhiên đặc thù khác

Triển khai thực hiện hoàn chỉnh các dự án: Bảo tồn khu rừng tràm ngập nước tại phân khu phục hồi sinh thái Tiểu khu 17 Vườn quốc gia Lò Gò - Xa Mát; “Điều tra, đánh giá, theo dõi môi trường nước tại Vườn Quốc Gia Lò Gò – Xa Mát”.

Đang thực hiện công tác điều tra, đánh giá và lập bản đồ phân vùng sinh thái, xác định các vùng sinh thái có đa dạng sinh học cao, các vùng sinh thái bị suy thoái, các vùng sinh thái nhạy cảm.

e) Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu nâng số lượng, tổng diện tích và chất lượng các khu bảo tồn thiên nhiên

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 2887/QĐ-UBND ngày 18/12/2014 về việc thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển rừng. Tổng số tiền thu được tương ứng từ mỗi loại hình chi trả dịch vụ môi trường rừng là 9.962.000.000 đồng (Chín tỷ, chín trăm sáu mươi hai triệu đồng).

g) Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu kiềm chế tốc độ suy giảm số loài và số cá thể các loài hoang dã, suy thoái các nguồn gen quý, hiếm

Tỉnh Tây Ninh đã triển khai thực hiện các đề tài, dự án:

- Khảo sát hiện trạng và đề xuất giải pháp bảo tồn loài quý hiếm gà lôi hông tía (Lophura diardi) ở Vườn Quốc gia Lò Gò – Xa Mát tỉnh Tây Ninh.

- Nghiên cứu bảo tồn các loài Linh trưởng ở Vườn Quốc gia Lò Gò – Xa Mát tỉnh Tây Ninh.

- Bảo tồn các loài thú ăn thịt nhỏ ở Vườn Quốc gia Lò Gò – Xa Mát tỉnh Tây Ninh.

Chi cục Kiểm Lâm tỉnh thả nhiều đợt thú các loại về rừng như rắn, khỉ, kỵ đà,...làm giàu thêm vốn động vật hoang dã hiện có nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng của địa phương.

1.2.4. Tăng cường khả năng chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH), giảm nhẹ mức độ giàn phát thải khí nhà kính.

a) Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu nâng cao nhận thức, hiểu biết, kiến thức về biến đổi khí hậu, thích nghi, sống chung với biến đổi khí hậu trong nhân dân

Tỉnh Tây Ninh đã triển khai thực hiện các dự án: Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu hoàn chỉnh phục vụ công tác ứng phó BĐKH trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Đánh giá ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước tỉnh Tây Ninh, đề xuất kế hoạch hành động và giải pháp ứng phó thích hợp.

b) Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu lồng ghép nhiệm vụ ứng phó với biến đổi khí hậu trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển; nâng khả năng chống chịu, thích nghi của các hệ sinh thái, các công trình bảo vệ môi trường trước tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng

UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 về Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2013-2020. Triển khai thực hiện Kế hoạch, tỉnh Tây Ninh đã và đang thực hiện các dự án:

- Xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh, giai đoạn 2014 – 2020.

- Đánh giá tiềm năng tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch hơn trong ngành chế biến tinh bột khoai mì trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Nghiên cứu, đánh giá tác động của BĐKH đến các công trình hạ tầng quản lý nguồn nước phục vụ nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh.

- Đánh giá khí hậu địa phương.

- Xây dựng, triển khai phương án ứng phó các tình huống do thiên tai ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống của nhân dân và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh.

c) *Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu góp phần giảm nhẹ phát thải khí nhà kính*

Tỉnh Tây Ninh đã triển khai thực hiện dự án “Nghiên cứu tính toán phát thải khí nhà kính, ô nhiễm không khí tại Tây Ninh và đề xuất các giải pháp ứng phó biến đổi khí hậu, xác định các lĩnh vực có tiềm năng CDM”. Kết quả tính toán: Tổng lượng phát thải trong lĩnh vực nông nghiệp (trồng trọt và chăn nuôi và thủy sản) là 2.869.764 tấn CO₂. Lĩnh vực tiêu thụ năng lượng bao gồm tiêu thụ điện và tiêu thụ xăng dầu: khoảng 2.25 triệu tấn CO₂, hoạt động giao thông phát thải 618 nghìn tấn CO₂. Lĩnh vực công nghiệp và các quá trình công nghiệp: ngành sản xuất bột mỳ vào khoảng 1,25 triệu tấn CO_{2 |}, quá trình sản xuất gạch nung là 19.570,8 tấn CO₂, ngành xi măng năm khoảng 399.541 tấn CO₂, hoạt động chế biến cao su ở Tây Ninh khoảng 24.000 tấn CO₂ và hoạt động sản xuất đường phát thải khoảng 47.000 tấn CO₂. Trong 1 năm, nước thải của các cơ sở sản xuất bột mì phát thải sinh ra lượng khí nhà kính là 1.870.980 tCO₂ khi có dự án CDM là 630.475 tCO₂. Đối với nước thải của các cơ sở chế biến phát thải sinh ra lượng khí nhà kính là 453.368 tCO₂, khi có dự án CDM là 152.774 tCO₂.

Dự án “Điều tra, xây dựng mô hình khu công nghiệp carbon thấp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh”. Trên cơ sở khảo sát, đánh giá mức độ phát thải carbon trong các nhà máy của các KCN, đưa ra các tiêu chí, các cơ sở khoa học nhằm xây dựng mô hình khu công nghiệp carbon thấp, với mức độ phát thải carbon thấp nhất có thể sinh ra từ các hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh, góp phần hạn chế tác động đến biến đổi khí hậu. Từ đó đề xuất các chương trình hành động và biện pháp quản lý nhằm phát triển KCN theo hướng phát triển bền vững, giảm phát thải khí nhà kính.

1.3. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC GIẢI PHÁP TỔNG THỂ

1.3.1. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân trong BVMT

Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các sở, ban ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố tổ chức các hoạt động hướng ứng Ngày môi trường Thế giới, Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn, Ngày Khí tượng thế giới, Ngày

Quốc tế đa dạng sinh học, Ngày nước thế giới, Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam bằng hình thức treo băng rôn hướng ứng tại khu vực công cộng trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức đào tạo và cấp Giấy chứng nhận về môi trường cho trên 400 cán bộ thuộc các cơ sở kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh.

Tổ chức 10 lớp tập huấn hướng dẫn triển khai thực hiện các tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới. Tham gia giảng dạy tập huấn về môi trường cho các hội viên, đoàn viên thanh niên, cán bộ địa chính các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

Đăng thông tin chuyên trang tuyên truyền về bảo vệ môi trường định kỳ hàng tháng, phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình Việt Nam và Tây Ninh xây dựng trên 100 phóng sự về Bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

Phối hợp với UBMT Tổ quốc tỉnh tổ chức hội nghị triển khai thực hiện Kế hoạch Xây dựng mô hình điểm thực hiện bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu của UBMT Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tây Ninh. Tổ chức mô hình điểm ở huyện Hòa Thành, Trảng Bàng, Châu Thành, Tân Châu, Thành phố Tây Ninh.

Tổ chức các Hội thảo hướng dẫn công nghệ xử lý, tái chế nước thải và hệ thống quan trắc tự động (100 doanh nghiệp tham dự) và Hội thảo về sản xuất sạch hon và tiết kiệm năng lượng (60 doanh nghiệp tham dự).

Hàng năm, tổ chức các lớp tập huấn về môi trường và quản lý tài nguyên với sự tham dự của cán bộ làm công tác môi trường tại các doanh nghiệp, cán bộ các Sở, ngành có liên quan, tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ các huyện, thành phố và các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội (Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam ...) đã tích cực thực hiện các chương trình truyền thông và xây dựng các mô hình dân cư tự quản về bảo vệ môi trường đạt hiệu quả cao. Vận động nhân dân tham gia bảo vệ môi trường tổ chức làm vệ sinh xóm ấp thực hiện tiêu chí 17 về xây dựng nông thôn mới.

UBND các huyện, thành phố đã chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Môi trường Thế giới; Chiến dịch làm cho Thế giới sạch hơn khi có văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh với sự tham gia của các cơ quan, đoàn thể và nhân dân bằng các hoạt động thiết thực như: treo băng rôn khẩu hiệu, phát tờ rơi và tổ chức mít tinh, diễu hành, sinh hoạt chuyên đề về bảo vệ môi trường, bảo vệ rừng và đa dạng sinh học, tổ chức các hoạt động làm sạch môi trường, không vứt rác bừa bãi, đổ rác đúng nơi quy định, trồng và chăm sóc cây xanh, phát quang bụi rậm, vệ sinh nơi ở nơi làm việc và nơi công cộng, thi tìm hiểu về môi trường.

Nhân dân trong tỉnh đã nhận thức được vị trí, vai trò của bảo vệ môi trường (BVMT) trong đời sống; là nhân tố đảm bảo sức khỏe và chất lượng cuộc sống của Nhân dân, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, an ninh, quốc phòng và hội nhập quốc tế.

Người dân đã dần có ý thức bảo vệ môi trường bằng chính việc làm của mình như: Đẹp đẽ đường làng, ngõ xóm xanh – sạch – đẹp; hạn chế tình trạng rác bừa bãi ra môi trường; hạn chế vất vó chai, lọ, bao bì đựng thuốc bảo vệ thực vật ra đồng, xác vật nuôi chết do dịch bệnh được thu gom tiêu huỷ, xử lý đúng quy định; phát hiện và tố cáo những hành vi gây ô nhiễm môi trường.

1.3.2. Hoàn thiện pháp luật, thể chế quản lý, tăng cường năng lực thực thi pháp luật về BVMT

a) Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về BVMT của địa phương

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy và kế hoạch thực hiện của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp, các ngành cần cùch năng, quyền hạn của mình, đã ban hành nhiều văn bản để tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường; lồng ghép vào nội dung Nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và cụ thể hóa thành các mục tiêu, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch công tác của địa phương, đơn vị mình.

(Phụ lục Văn bản kèm theo)

b) Tiếp tục kiện toàn, củng cố hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về BVMT ở địa phương, trọng tâm là cấp tỉnh, huyện, xã. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, tăng cường đào tạo chuyên môn, kỹ năng, kiến thức quản lý, ngoại ngữ bảo đảm nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu về BVMT.

Hiện nay, cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh còn thiếu và hạn chế về năng lực. Nhân sự làm công tác môi trường của Sở Tài nguyên và Môi trường khoảng 50 cán bộ (Chi cục Bảo vệ môi trường, Thanh tra Sở, Trung tâm Quan trắc môi trường). Các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh có Phòng Tài nguyên và Môi trường với 02 đến 03 cán bộ chuyên trách làm công tác môi trường và ở xã, phường, thị trấn có 01 đến 02 cán bộ địa chính kiêm nhiệm công tác địa chính – môi trường.

Ngoài ra, tham gia quản lý môi trường còn có 03 cán bộ Phòng Kỹ thuật An toàn môi trường thuộc Sở Công thương, 06 cán bộ phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh và hơn 30 cán bộ, chiến sĩ thuộc lực lượng Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường.

Để nâng cao năng lực quản lý môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 07/12/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc quy định phân cấp nhiệm vụ chi, mức chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Trong đó, có nhiệm vụ chi hợp đồng lao động để thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ công tác bảo vệ môi trường cấp huyện, thành phố (mỗi huyện, thành phố 01 hợp đồng).

c) Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật. Phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý nhà nước về môi trường các cấp với lực lượng Cảnh sát môi trường.

Tỉnh Tây Ninh thực hiện tốt công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường; giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về môi trường theo

quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo và quy định của pháp luật có liên quan; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh liên quan giải quyết các vấn đề môi trường liên tỉnh.

Kiểm soát môi trường các khu vực tập trung nhiều nguồn gây ô nhiễm môi trường: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 06/06 Khu công nghiệp đang hoạt động đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung đạt cột A quy chuẩn quy định, 67 nhà máy chế biến khoai mì và 26 nhà máy chế biến cao su, 03 nhà máy chế biến đường là các dự án có nguy cơ cao tác động xấu đến môi trường đều đã xử lý nước thải đạt cột A quy chuẩn quy định.

d) Đầu tư, hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm tăng cường năng lực quan trắc, phân tích môi trường, xây dựng hệ cơ sở dữ liệu môi trường ở địa phương.

Tỉnh Tây Ninh đã đầu tư hoàn chỉnh trang thiết bị cho Trung tâm điều hành, lưu trữ dữ liệu về quan trắc môi trường, đảm bảo các hệ thống quan trắc tự động của các doanh nghiệp và hệ thống quan trắc nước mặt, không khí tự động của tỉnh kết nối về Sở Tài nguyên và Môi trường đúng theo quy định.

Tỉnh đã lắp đặt hoàn chỉnh 05 trạm quan trắc nước mặt tự động, đang triển khai lắp đặt 01 trạm quan trắc nước mặt tự động và 02 trạm quan trắc không khí tự động.

1.3.3. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ về BVMT

Tỉnh Tây Ninh đã triển khai thực hiện các đề tài, dự án, nhiệm vụ về bảo vệ môi trường. Ứng dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án vào công tác quản lý, xử lý chất thải, ngăn ngừa ô nhiễm, suy thoái môi trường đạt hiệu quả cao.

(Danh mục các đề tài, dự án kèm theo)

1.3.4. Phát triển ngành kinh tế môi trường để hỗ trợ các ngành kinh tế khác giải quyết các vấn đề môi trường, thúc đẩy tăng trưởng, tạo thu nhập và việc làm

- Phát triển sản phẩm, hàng hóa thân thiện với môi trường, các sản phẩm tái chế, sản xuất năng lượng từ chất thải kết hợp thực hiện các gói kích cầu, thúc đẩy tiêu dùng các loại sản phẩm này.

- Thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp môi trường, phát triển năng lực cung ứng dịch vụ môi trường, nhất là xử lý, tái chế chất thải.

- Trợ giá; khuyến khích người dân tiêu dùng sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, sử dụng năng lượng sạch, tái tạo, các sản phẩm tái chế nhằm hỗ trợ ngành kinh tế môi trường phát triển.

1.3.5. Tăng cường và đa dạng hóa đầu tư cho BVMT

Ngân sách chi cho sự nghiệp bảo vệ môi trường được tỉnh quan tâm phân bổ đầy đủ để thực hiện nhiệm vụ thường xuyên, nhiệm vụ chuyên môn và các nhiệm vụ theo sự chỉ đạo của Trung ương đảm bảo trên 1% tổng chi ngân sách tỉnh.

Tổng chi ngân sách sự nghiệp môi trường giai đoạn 2013 – 2019 là 432 tỷ đồng. Trong đó: cấp tỉnh 225 tỷ đồng, cấp huyện 207 tỷ đồng.

Công tác xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh cũng được chú trọng, tỉnh đã kêu gọi đầu tư các dự án về thu gom, xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại 04 đơn vị hành nghề thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép, gồm: Công ty cổ phần Môi trường xanh, Công ty TNHH hóa chất và môi trường Vũ Hoàng, Công ty TNHH MTV Môi trường xanh Huê Phương VN, Công ty cổ phần môi trường Thái Tuấn.

Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 1927/QĐ-UBND ngày 26/9/2013 hoạt động theo nguyên tắc bảo toàn vốn điều lệ và tự bù đắp chi phí quản lý, trong quá trình hoạt động không vì mục đích lợi nhuận. Trong năm 2017, nhận tiền ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường là: 18.378.296.122 đồng, cho vay thực hiện 04 dự án trong lĩnh vực môi trường 28,39 tỷ đồng, dư nợ cho vay: 21.046.861.299 đồng. Trong 06 tháng đầu năm 2018, dư nợ cho vay là 18.087.000.000 đồng.

1.3.6. Thúc đẩy hội nhập và tăng cường hợp tác quốc tế về BVMT

Sở Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Viện Môi trường và Tài nguyên (IER) – Đại Học Quốc Gia TP.HCM và Viện Nghiên cứu thủy lợi và Tài nguyên nước Leichtweiss (Leichtweiß-Institute for Hydraulic Engineering and Water Resources - LWI) – Đại học Kỹ thuật Braunschweig, Cộng Hòa Liên Bang Đức thực hiện Dự án nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế “Xử lý nước thải công nghiệp chế biến tinh bột khoai mì và quản lý tổng hợp ô nhiễm nước trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam Việt Nam”.

Phối hợp với Công ty Cổ phần HR&E thuộc tập đoàn M Group Holding (Thái lan); Công ty sản xuất thương mại NID; Công ty TNHH MTV phát triển công nghệ môi trường Bách Khoa và Công ty Cổ phần kỹ thuật môi trường Việt An tổ chức hội thảo “Giới thiệu công nghệ xử lý nước, tái sử dụng nước thải và quan trắc tự động”.

1.4. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN, ĐỀ ÁN ƯU TIÊN TRONG VIỆC TRIỂN KHAI KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC (Theo Quyết định số 166/QĐ-TTg ngày 21 tháng 01 năm 2014)

1.4.1. Giới thiệu tổng quan về các Chương trình, Dự án, Đề án

Giai đoạn năm 2013 – năm 2018, tỉnh Tây Ninh đã triển khai thực hiện 30 đề tài, dự án về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo tồn đa dạng sinh học với tổng kinh phí trên 52 tỷ đồng sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường. Đang triển khai thực hiện 13 dự án, nhiệm vụ tổng khái toán 28 tỷ đồng.

1.4.2. Đánh giá kết quả thực hiện các Chương trình, Dự án, Đề án

a) Đề án cải tạo, phục hồi môi trường các ao, hồ, kênh, mương, đoạn sông trong các đô thị, khu dân cư đang bị ô nhiễm môi trường nghiêm trọng

100% các Khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường.

100% chất thải sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại được thu gom, xử lý.

100% chất thải nguy hại và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý.

b) *Dự án đầu tư xây dựng các công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại các đô thị loại IV trở lên*

Hoàn thành dự án thu gom và xử lý nước thải tập trung của thị trấn Dương Minh Châu.

c) *Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước hiện có, xóa các điểm ngập úng cục bộ tại các đô thị loại III trở lên*

Tỉnh Tây Ninh không có đô thị loại III trở lên.

II. CÁC HẠN CHẾ, YẾU KÉM VÀ NGUYÊN NHÂN

2.1. HẠN CHẾ, YẾU KÉM

Các nhiệm vụ, dự án về ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường chưa thực hiện được đầy đủ theo kế hoạch đề ra, nhất là các công trình xử lý nước thải tại các đô thị trên địa bàn tỉnh.

Công tác quản lý nhà nước về khí tượng thủy văn, ứng phó với biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học đạt hiệu quả chưa cao.

Tình trạng gây ô nhiễm môi trường cục bộ do sự cố từ một số công trình xử lý nước thải còn xảy ra ở một vài nơi.

Chưa xây dựng đầy đủ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đô thị đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

2.2. NGUYÊN NHÂN CỦA CÁC HẠN CHẾ, YẾU KÉM

Ý thức trách nhiệm về bảo vệ môi trường, quản lý tài nguyên và ứng phó với biến đổi khí hậu của một bộ phận người dân và doanh nghiệp còn nhiều hạn chế. Công tác phối hợp giữa các sở, ngành, chính quyền địa phương các cấp có lúc chưa chặt chẽ, công tác tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện pháp luật về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu chưa thật sự đạt hiệu quả cao.

Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu còn hạn chế, chưa đáp ứng với sự phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

Trình độ, năng lực của cán bộ quản lý về khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu, đa dạng sinh học còn hạn chế, chưa có cán bộ đào tạo chuyên môn, nhất là cấp cơ sở, nhiều cơ sở sản xuất kinh doanh và các đơn vị y tế không có cán bộ chuyên trách về môi trường.

Ngân sách hỗ trợ từ phía Trung ương cho các dự án về ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường cho địa phương còn thấp nên chưa thực hiện được đầy đủ các nhiệm vụ, dự án theo kế hoạch đề ra, nhất là các công trình xử lý nước thải tại các đô thị trên địa bàn tỉnh.

Phần thứ hai

ĐỀ XUẤT CHIẾN LƯỢC BVMT QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2030

I. Các giải pháp, kế hoạch

1.1. Từ nay đến năm 2020

1.1.1. Hạn chế mức độ gia tăng ô nhiễm suy thoái môi trường, tăng cường công tác phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm

Tổng kết đánh giá công tác phòng ngừa kiểm soát ô nhiễm, mức độ hạn chế gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2015-2020. Xây dựng kế hoạch cụ thể ngăn chặn, xử lý kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm và suy thoái môi trường

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của cộng đồng dân cư tỉnh Tây Ninh về bảo vệ môi trường, ý thức chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật về BVMT đối với các khu công nghiệp, cụm công nghiệp tập trung; các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các bệnh viện, bãi rác, cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc trên địa bàn.

Hoàn thiện hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu trực tuyến về các nguồn xả thải chính trên địa bàn tỉnh Tây Ninh để làm cơ sở cho việc kiểm tra, giám sát và quản lý chặt chẽ các nguồn thải này ở các giai đoạn tiếp theo;

Tập trung xử lý các điểm, cơ sở, khu vực gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, đặc biệt là các điểm, cơ sở, khu vực cù tri quan tâm, bức xúc, khiêu nại, tố cáo.

Lồng ghép nhiệm vụ bảo vệ môi trường vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh

Tăng cường công tác quan trắc, cảnh báo môi trường; chủ động phòng, chống và giảm thiểu các sự cố môi trường và các tai biến tự nhiên; khắc phục có hiệu quả các tác hại do sự cố môi trường và thiên tai gây ra.

Hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp quy về bảo vệ môi trường trên đại bàn tỉnh, tăng cường năng lực quản lý, nâng cao chất lượng lập quy hoạch và quản lý theo quy hoạch các lĩnh vực liên quan đến bảo vệ môi trường

1.1.2. Cải thiện chất lượng môi trường

Dánh giá khả năng tiếp nhận nước thải và tự làm sạch của hệ thống sông, kênh, rạch trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; phân vùng môi trường nước phục vụ công tác quản lý và cấp phép xả thải;

Phối hợp, hợp tác chặt chẽ với các tỉnh, thành phố trong lưu vực hệ thống sông Sài Gòn - Đồng Nai và các cơ quan chức năng ở Trung ương trong việc kiểm tra, giám sát các nguồn xả thải vào hệ thống sông Sài Gòn - Đồng Nai; kiểm soát sự lan truyền ô nhiễm xuyên địa bàn, kiểm soát lũ và xâm nhập mặn ở vùng hạ lưu hệ thống sông Sài Gòn - Đồng Nai, sông Vàm Cỏ Đông; phòng ngừa và ứng cứu sự cố

tràn dầu; chia sẻ thông tin môi trường lưu vực hệ thống sông Sài Gòn và sông Vàm Cỏ Đông.

Di dời các cơ sở sản xuất, làng nghề gây ô nhiễm vào khu quy hoạch, hướng dẫn áp dụng các công nghệ, thiết bị xử lý chất thải trước khi thải ra môi trường.

Tăng cường tái chế, tái sử dụng chất thải, tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

1.1.3. Sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học

Nâng tỉ lệ che phủ rừng, ổn định rừng phòng hộ đầu nguồn và bảo tồn đa dạng sinh học của tỉnh;

Xây dựng mô hình nông thôn mới với các chỉ tiêu môi trường trong điều kiện tỉnh Tây Ninh;

Tăng cường tái chế, tái sử dụng chất thải, tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên.

1.1.4. Tăng cường khả năng chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ mức độ tăng phát thải khí nhà kính

Thường xuyên tổ chức các cuộc thi tìm hiểu, sáng tác phim, ảnh về biến đổi khí hậu, đưa nội dung của biến đổi khí hậu vào chương trình sinh hoạt của các tổ chức, cộng đồng, đoàn thể;

Tiếp tục cập nhật các nghiên cứu, thành quả khoa học và công nghệ, phát hiện, nhận thức mới về biến đổi khí hậu để cập nhật các kịch bản về biến đổi khí hậu, nước biển dâng;

Khuyến khích người dân, doanh nghiệp đầu tư thu hồi năng lượng, nhiệt trong sản xuất, tiêu dùng để tái sử dụng.

1.2. Từ năm 2021 đến năm 2030

1.2.1. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân trong bảo vệ môi trường

Đẩy mạnh phổ biến, giáo dục pháp luật, đảm bảo mọi người dân, doanh nghiệp hiểu đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật, yêu cầu, tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường; nhận thức đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ bảo vệ môi trường và có ý thức thực hiện trên thực tế.

Tiếp tục đẩy mạnh giáo dục môi trường, biến đổi khí hậu trong các cấp học, bậc học trong hệ thống giáo dục và đào tạo.

Tuyên truyền, vận động lối sống thân thiện với môi trường, tiêu dùng bền vững, hình thành ý thức bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh trong nhân dân, tiến tới xây dựng xã hội ít chất thải, các – bon thấp, hài hòa, thân thiện với môi trường.

1.2.2. Không ngừng nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên và môi trường

Hoàn thiện cơ chế, chính sách, lồng ghép yêu cầu bảo vệ môi trường trong chiến lược, quy hoạch, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh theo định hướng phát triển bền vững.

Tiếp tục kiện toàn, củng cố hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường từ cấp tỉnh, huyện, xã theo hướng nâng cao năng lực thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực, tăng cường đào tạo chuyên môn, kỹ năng, kiến thức quản lý, ngoại ngữ bảo đảm nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, thanh tra, xử lý vi phạm pháp luật, đấu tranh phòng chống tội phạm môi trường, phối hợp chặt chẽ giữa công tác kiểm tra, thanh tra của cơ quan quản lý nhà nước về môi trường các cấp với hoạt động đấu tranh phòng chống tội phạm môi trường của lực lượng cảnh sát môi trường.

Từng bước đầu tư, hiện đại hóa cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm tăng cường năng lực quan trắc, phân tích môi trường.

1.2.3. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ về bảo vệ môi trường

Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học về môi trường, phát triển và ứng dụng công nghệ trong bảo vệ môi trường, phát huy vai trò của khoa học và công nghệ trong việc thúc đẩy, nâng cao chất lượng và hiệu quả của nền kinh tế, thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh.

Phát triển, tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, tiết kiệm năng lượng, sản xuất và sử dụng năng lượng sạch, tái tạo.

1.2.4. Tăng cường và đa dạng hóa đầu tư cho bảo vệ môi trường

Tăng dần tỷ lệ chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước cho bảo vệ môi trường; đồng thời thúc đẩy việc sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường.

Đẩy mạnh xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường, huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế đầu tư cho bảo vệ môi trường. Có cơ chế, chính sách phù hợp để tăng cường huy động vốn cho bảo vệ môi trường, nhất là các nguồn vốn ngoài ngân sách.

Nghiên cứu, hình thành các nguồn thu mới; từng bước tăng dần mức thu tương ứng với mức độ hưởng lợi từ môi trường hoặc mức độ gây ô nhiễm suy thoái môi trường, góp phần giảm gánh nặng đầu tư cho bảo vệ môi trường từ ngân sách nhà nước, tạo nguồn tài chính bền vững cho bảo vệ môi trường.

1.2.5. Tăng cường hợp tác liên tỉnh và quốc tế về bảo vệ môi trường

Phối hợp, hợp tác chặt chẽ với các tỉnh, thành phố trong lưu vực hệ thống sông Sài Gòn, sông Vàm Cỏ Đông và các cơ quan chức năng ở Trung ương trong việc kiểm tra, giám sát các nguồn xả thải; kiểm soát sự lan truyền ô nhiễm xuyên địa

bàn, kiểm soát lũ và xâm nhập mặn; chia sẻ thông tin môi trường lưu vực hệ thống sông Vàm Cỏ Đông và sông Sài Gòn.

Đây mạnh sự hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường trên nhiều lĩnh vực như: hợp tác kỹ thuật, viện trợ xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường bằng nguồn vốn vay ưu đãi và vốn viện trợ không hoàn lại.

1.2.6. Tăng cường phối hợp thanh, kiểm tra giữa các Sở, ngành và địa phương trong công tác bảo vệ môi trường

II. Các kiến nghị

2.1. Đối với Chính phủ

Ban hành các Nghị định về quản lý, bảo tồn đa dạng sinh học như: Nghị định thay thế Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30/03/2006 của Chính phủ về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm; Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 10/8/2006 của Chính phủ về quản lý hoạt động nhập khẩu, xuất khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã quý, hiếm. Lý do: Phù hợp với Luật Đa dạng sinh học năm 2008.

2.2. Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường và các Bộ, ngành liên quan

- Hỗ trợ địa phương về Bảo tồn đa dạng sinh học; trang thiết bị quan trắc môi trường; xây dựng hệ thống quan trắc tự động trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Tăng cường tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn nhằm nâng cao năng lực quản lý, năng lực ứng phó sự cố môi trường cho đội ngũ quản lý môi trường của địa phương để đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Xem xét đề xuất Chính phủ hỗ trợ các nguồn tài chính từ Trung ương hoặc ODA cho đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật về xử lý chất thải, xây dựng một số trạm quan trắc nước mặt, không khí tự động liên tục; cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu, các công trình thích ứng, giảm nhẹ tác động của biến đổi khí hậu thuộc địa bàn tỉnh.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh./.

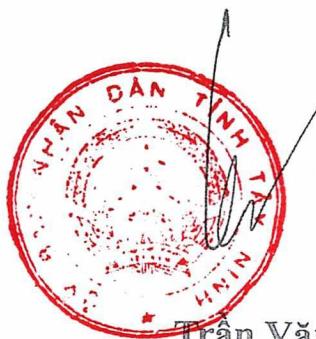
Nơi nhận:

- Bộ TN&MT;
- Bộ Tài chính;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở TNMT;
- LĐVP-CVK;
- Lưu: VT, VP ĐĐBQH, HĐND và UBND tỉnh

IOKTC_V_NAM_BCB

5

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1. Bảng số liệu về kết quả thực hiện các mục tiêu của Chiến lược

TT	Chỉ tiêu	Số liệu		
		2010 (toute quốc)	2013	2018
1	Giảm về cơ bản các nguồn gây ô nhiễm môi trường			
a.	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh xây dựng mới đạt yêu cầu về BVMT	40%	75%	100%
b.	Tỷ lệ cơ sở hiện đang gây ô nhiễm môi trường	-	Giảm 20% so với 2010	0
c.	Tỷ lệ khu công nghiệp đáp ứng yêu cầu BVMT	-	70%	100%
d.	Tỷ lệ làng nghề truyền thống đạt yêu cầu về môi trường	-	30%	
đ.	Tỷ lệ xã đạt chuẩn vệ sinh môi trường theo tiêu chí nông thôn mới		20%	35.0%
e.	Số vụ sự cố hóa chất, phóng xạ, hạt nhân		Không	Không
g.	Tỷ lệ khu đô thị loại IV trở lên có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu		30%	11.11%
h.	Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu	60%	75%	100%
i.	Tỷ lệ chất thải rắn đô thị được thu gom	80 - 82%	90%	80.6%
k.	Tỷ lệ chất thải rắn nông thôn được thu gom	40 - 55%	60%	80.6%
l.	Tỷ lệ chất thải rắn được tái sử dụng, tái chế hoặc thu hồi năng lượng, sản xuất phân bón	20 - 30%	55%	12%
m.	Tỷ lệ chất thải nguy hại được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy	65%	75%	100%
n.	Mức sản xuất và sử dụng túi, bao gói khó phân hủy		Giảm 10% so với 2010	
o.	Tỷ lệ chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý, tiêu hủy	75%	80%	100%
p.	Số bãi chôn lấp chất thải đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và hợp vệ sinh		50%	100%
2	Khắc phục, cải tạo môi trường các khu vực bị ô nhiễm, suy thoái; cải			
a.	Tỷ lệ diện tích mặt nước ao, hồ, kênh, mương, sông trong các đô thị, khu dân cư được cải tạo, phục hồi	-	Tăng 30% so với 2010	
b.	Tỷ lệ diện tích đất bị nhiễm độc, tồn dư di-ô-xin, hóa chất, thuốc BVTV, các chất gây ô	- 255.000 ha đất bị nhiễm độc di-ô-xin	Giảm 20% so với 2010	0

o.	Số loài quý, hiếm bị tuyệt chủng	9 loài (Giai đoạn 2001-2010)	Không	Không
p.	Số nguồn gen quý, có giá trị bị mất	-	Không tăng so với 2010	Không tăng so với 2010
q.	Các khu di sản thiên nhiên, cảnh quan, nét đẹp của thiên nhiên	-	Không suy giảm so với 2010	Không suy giảm so với 2010
r.	Số vụ mất an toàn sinh học có nguyên nhân từ sinh vật biến đổi gen		Không	Không
s.	Số loài và mức độ xâm hại của các loài ngoại lai xâm hại môi trường	-	Không tăng so với 2010	Không tăng so với 2010
4	Tăng cường khả năng chủ động ứng phó với BĐKH, giảm nhẹ tốc độ			
a.	Tỷ lệ dân hiểu biết, có kiến thức ứng phó, thích nghi, sống chung với BĐKH	-	30%	Ước tính 50%
b.	Tỷ lệ các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án có tính đến các tác động của BĐKH, nước biển dâng	-	30%	100%
c.	Tỷ lệ diện tích các hệ sinh thái tự nhiên có tầm quan trọng quốc gia, quốc tế được cải thiện khả năng chống chịu, thích nghi với BĐKH		Tăng 20% so với 2010	Chưa thống kê
d.	Tỷ lệ cộng đồng dân cư cấp làng, xóm, thôn được xây dựng năng lực chủ động ứng phó với BĐKH, thiên tai	-	Tăng 30% so với 2010	Ước tính 50%
đ.	Mức phát thải khí nhà kính trên 1 đơn vị GDP		Giảm 3% so với 2010	Giảm 7% so với 2010

Phụ lục 2. Bảng số liệu về kết quả thực hiện các nội dung, biện pháp của Chiến lược

TT	Chỉ tiêu	Số liệu	
		2013	2018
1	Phòng ngừa và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường		
1.1	<i>Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu không để phát sinh cơ sở gây ô nhiễm môi trường mới</i>		
a	+ Số lượng và loại hình mô hình kinh tế xanh được triển khai, áp dụng		0
b	+ Số lượng và loại hình mô hình công nghiệp xanh được triển khai, áp dụng		0
c	+ Số lượng và loại hình mô hình đô thị xanh, công trình xanh được triển khai, áp dụng		0
d	+ Số lượng và loại hình mô hình nông thôn xanh được triển khai, áp dụng		0
đ	+ Đã ban hành bộ tiêu chí môi trường đối với quy hoạch địa phương chưa? Xin trả lời Có hoặc Không (Nếu có, xin liệt kê chi tiết bộ tiêu chí)		Chưa
e	+ Số lượng, tỷ lệ % báo cáo ĐMC đã được lập và thẩm định cho các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch ở cấp quốc gia và cấp tỉnh		100%
g	+ Số lượng, tỷ lệ % báo cáo ĐTM được phê duyệt qua các năm 2012-2018	24	80
	Năm 2014: 45		
	Năm 2015: 51		
	Năm 2016: 51		
	Năm 2017: 61		
h	+ Số lượng, tỷ lệ % dự án được kiểm tra, xác nhận tuân thủ báo cáo ĐTM trước khi cho phép vận hành qua các năm 2012-2018	0.02	0.22
	Năm 2014: 17		
	Năm 2015: 43		
	Năm 2016: 52		
	Năm 2017: 30		
i	+ Số lượng, tỷ lệ % cơ sở tuân thủ các cam kết trong báo cáo ĐTM qua các năm 2012-2018		
k	+ Số lượng Dự án bị từ chối cấp phép đầu tư do không đạt yêu cầu về BVMT hoặc có nguy cơ cao gây ONMT		
l	+ Số lượng, tỷ lệ % dự án đầu tư bị từ chối do có công nghệ lạc hậu, máy móc thiết bị không đáp ứng yêu cầu BVMT		
m	+ Tỷ lệ % cơ sở sản xuất kinh doanh có trình độ công nghệ qua các năm 2012-2018: · Tiên tiến · Trung bình		

d	+ Số lượng công nghệ mới, tiên tiến, thân thiện với môi trường được ứng dụng tại các làng nghề		
e	+ Số lượng cụm công nghiệp làng nghề được thành lập, hoặc được quy hoạch		7 cụm CN
g	+ Số lượng, tỷ lệ cụm công nghiệp làng nghề có hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu BVMT		
h	+ Tỷ lệ % làng nghề có thành lập các tổ chức tự quản về BVMT		
i	+ Địa phương đã có quy hoạch về quản lý chất thải nông thôn chưa?		Có
k	+ Tỷ lệ % huyện có xây dựng và ban hành quy hoạch quản lý chất thải rắn nông thôn		0
l	+ Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường		
m	+ Tỷ lệ số xã có công trình thu gom xử lý rác thải		100%
n	+ Tỷ lệ số xã có hệ thống tiêu thoát nước		
o	+ Tỷ lệ số xã có tổ đội thu gom chất thải rắn		100%
p	+ Tỷ lệ số xã đạt tiêu chí về môi trường		47,5%
1.4	Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu bảo đảm an toàn hóa chất, an toàn bức xạ, hạt nhân		
a	+ Tỷ lệ % số doanh nghiệp hoạt động hóa chất có đăng ký qua các năm 2012-2018		50%
b	+ Tỷ lệ % các cơ sở kinh doanh hóa chất tuân thủ các quy định về an toàn		50%
c	+ Số vụ vi phạm về quản lý an toàn phòng cháy qua các năm 2012-2018		0
d	+ Số lượng cơ sở, tỷ lệ sản xuất kinh doanh hóa chất có kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất		8
đ	+ Số lượng, tỷ lệ cơ sở kinh doanh hóa chất vi phạm các quy định về an toàn hóa chất bị phát hiện		0
1.5	Nhóm nội dung biện pháp hướng tới mục tiêu nâng tỷ lệ khu đô thị, khu, cụm công nghiệp, khu chế xuất có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu		
a	+ Tỷ lệ nước thải tại các đô thị được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả ra môi trường.		11,11%
b	+ Tỷ lệ nước thải bệnh viện được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả vào hệ thống thoát nước đô thị hoặc xả ra môi trường		100%
c	+ Tỷ lệ nước thải các khu công nghiệp được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả vào hệ thống thoát nước đô thị hoặc xả ra môi trường		100%
d	+ Tỷ lệ nước thải các làng nghề được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trước khi xả vào hệ thống thoát nước đô thị hoặc ra môi trường		

1.7	Nhóm, nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu nâng tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, tái chế, tái sử dụng; giảm dần sản xuất và sử dụng túi, bao gói khó phân hủy		
a	+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường qua các năm 2012-2018		80,6%
b	+ Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị phát sinh được tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng hoặc sản xuất phân hữu cơ qua các năm 2012-2018.		12%
c	+ Tỷ lệ chất thải rắn xây dựng phát sinh tại các đô thị được thu gom xử lý qua các năm 2012-2018		
d	+ Tỷ lệ chất thải rắn xây dựng phát sinh tại các đô thị được tái sử dụng hoặc tái chế qua các năm 2012-2018.		
đ	+ Tỷ lệ túi nilon được sử dụng tại các siêu thị và trung tâm thương mại qua các năm 2012-2018		
e	+ Tỷ lệ chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phát sinh được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường qua các năm 2012-2018		
f	+ Tỷ lệ chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phát sinh được thu hồi để tái sử dụng và tái chế qua các năm 2012-2018.		
g	+ Tỷ lệ chất thải rắn y tế phát sinh tại các cơ sở y tế, bệnh viện được thu gom và xử lý đảm bảo môi trường qua các năm 2012-2018.		100%
h	+ Tỷ lệ % chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý được bù đắp bởi phí vệ sinh môi trường/thu gom chất thải rắn		
i	+ Mức phí thu gom chất thải rắn ở địa phương qua các năm 2012-2018: .Đối với hộ gia đình: .Đối với trường học, bệnh viện: Bệnh viện: 100.000 đồng/tấn Trường học Từ 30.000 đến 160.000 đồng/tháng		15.000 đồng/tháng
j	+ Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn		

d	+ Số lượng công nghệ xử lý tiêu hủy chất thải nguy hại, chất thải y tế được phát triển, chuyển giao (liệt kê tên chi tiết)		
đ	+ Số lượng bãi chôn lấp chất thải nguy hại được xây dựng		0
2	Cải tạo, phục hồi môi trường các khu vực đã bị ô nhiễm, suy thoái; đẩy mạnh cung cấp nước sạch và dịch vụ vệ sinh môi trường		
2.1	Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu cải tạo, phục hồi hồ, ao, kênh, mương, đoạn sông đã bị ô nhiễm, suy thoái trong các đô thị, khu dân cư		
a	+ Số lượng, tỷ lệ hồ; kênh, mương, sông trong các đô thị được thực hiện các dự án cải tạo, nâng cấp, kè bờ		
b	+ Số vụ việc, tổng diện tích các ao, hồ, kênh, mương, đoạn sông trong các đô thị, khu dân cư bị lấn chiếm, san lấp trái phép		
2.2	Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu xử lý, cải tạo các vùng đất bị nhiễm độc, tồn dư đì-ô-xin, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật và các chất gây ô nhiễm khác		
a	+ Số lượng, kinh phí các dự án xử lý các điểm tồn lưu hóa chất (liệt kê tên chi tiết)		
b	+ Số lượng dự án cải tạo phục hồi các vùng đất bị nhiễm độc được thực hiện theo cơ chế giao cho thuê đất sau khi hoàn thành.		
2.3	Nhóm nội dung, giải pháp hướng tới mục tiêu phục hồi, tái sinh các hệ sinh thái tự nhiên đã bị suy thoái, đặc biệt là rừng ngập mặn		
a	+ Tỷ lệ diện tích hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái qua các năm 2012-2018		
b	+ Diện tích rừng nguyên sinh qua các năm 2012-2018 (ha)		
c	+ Diện tích rừng ngập mặn qua các năm 2012-2018 (ha)		
d	+ Số lượng, kinh phí các chương trình đầu tư phục hồi các hệ sinh thái tự nhiên (Liệt kê tên chương trình chi tiết)		
đ	+ Số lượng cơ chế chi trả dịch vụ hệ sinh thái đã được áp dụng (Liệt kê chi tiết)		
2.4	Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu cải thiện chất lượng môi trường không khí trong các đô thị, khu dân cư		
a	+ Địa phương đã ban hành quy định về chống ô nhiễm từ các công trình xây dựng, từ hoạt động vận chuyển các loại chất thải, vật liệu xây dựng trong các đô thị chưa?		Chưa
b	+ Số vụ vi phạm quy định về BVMT trong các công trình xây dựng, từ hoạt động vận chuyển các loại chất thải, vật liệu xây dựng trong các đô thị qua các năm 2012-2018		

m	+ Số lượng công nghệ cung cấp nước sạch được nghiên cứu, chuyển giao (liệt kê tên chi tiết)		
n	+ Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước sạch tương đương với tiêu chuẩn nước sạch đô thị qua các năm 2012-2018		
3	Khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học		
3.1	Nhóm nhiệm vụ, biện pháp hướng tới mục tiêu sử dụng tài nguyên đất hiệu quả và bền vững; khắc phục tình trạng mất đất nông nghiệp do chuyển đổi mục đích sử dụng, thoái hóa, bạc màu, hoang mạc hóa		
a	+ Số lượng, diện tích cánh đồng mẫu lúa được thành lập qua các năm 2012-2018		
b	+ Số lượng, diện tích trang trại được thành lập qua các năm 2012-2018		
c	+ Số lượng, tỷ lệ dự án quy hoạch treo ở các đô thị		
d	+ Tỷ lệ trung bình diện tích khu công nghiệp được lấp đầy		
đ	+ Diện tích rừng đặc dụng bị chuyển đổi mục đích sử dụng (ha)/Tổng diện tích rừng đặc dụng (ha)		
e	+ Diện tích rừng phòng hộ bị chuyển đổi mục đích sử dụng (ha)/Tổng diện tích rừng phòng hộ (ha)		
g	+ Tỷ lệ diện tích đất sản xuất được áp dụng các mô hình canh tác nông nghiệp bền vững (IPM, GAP,...) (%)		
h	+ Khối lượng phân bón sử dụng trên 1 hécta đất canh tác qua các năm 2012-2018 (kg/ha)		
i	+ Khối lượng thuốc bảo vệ thực vật sử dụng trên 1 hécta đất canh tác qua các năm 2012-2018 (kg/ha)		
k	+ Diện tích, tỷ lệ đất thoái hóa, bạc màu, hoang mạc hóa được cải tạo		
l	+ Số lượng mô hình làng kinh tế sinh thái (liên quan đến phục hồi các vùng đất thoái hóa, bạc màu, hoang mạc hóa)		
m	+ Tổng diện tích đất bị thoái hóa, hoang mạc hóa qua các năm 2012-2018		
3.2	Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm nhẹ tình trạng thiếu nước theo mùa và cục bộ theo vùng		
a	+ Diện tích, tỷ lệ đất canh tác được ứng dụng các biện pháp tưới tiêu tiết kiệm nước		
b	+ Số tiền thu được từ chi trả dịch vụ môi trường rừng qua các năm 2012-2018 (triệu đồng)		
3.3	Nhóm nhiệm vụ, biện pháp hướng tới mục tiêu nâng tỷ lệ che phủ của rừng và nâng cao chất lượng rừng		
a	+ Tổng diện tích rừng qua các năm 2012-2018: · Diện tích rừng trồng (ha):		

a	+ Số lượng mô hình tốt về phòng, chống, ứng phó với thiên tai được ứng dụng qua các năm 2012-2018 (liệt kê tên các mô hình)		
b	+ Số lượng các cuộc thi tìm hiểu, sáng tác phim, ảnh... về BĐKH được tổ chức qua các năm 2012-2018		
c	+ Số lần diễn tập ứng phó với thiên tai qua các năm 2012-2018		
4.2	Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu lồng ghép nhiệm vụ ứng phó với BĐKH trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển; nâng khả năng chống chịu, thích nghi của các hệ sinh thái, các công trình BVMT trước tác động của BĐKH		
a	+ Số lượng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, ngành, lĩnh vực đã được điều chỉnh cho phù hợp với kịch bản BĐKH (liệt kê tên chi tiết).		
b	+ Số lượng, tỷ lệ các công trình tiêu, thoát nước, xử lý nước thải tập trung, các bãi chôn lấp rác thải và thành lập các khu bảo tồn thiên nhiên có tính toán đến tác động của BĐKH		
c	+ Số lượng mô hình thích ứng, sống chung với BĐKH được thử nghiệm, nhân rộng (liệt kê tên chi tiết)		
4.3	Nhóm nội dung, biện pháp hướng tới mục tiêu góp phần giảm nhẹ phát thải khí nhà kính		
a	+ Số lượng, tổng công suất các dự án năng lượng gió đăng ký qua các năm 2012-2018		0
b	+ Số lượng, tổng công suất các dự án năng lượng gió đã đi vào vận hành qua các năm 2012-2018		0
c	+ Số lượng, tổng công suất các dự án năng lượng mặt trời đăng ký qua các năm 2012-2018		9 dự án, công suất 648 MW
d	+ Số lượng, tổng công suất các dự án năng lượng mặt trời đã đi vào vận hành qua các năm 2012-2018		9 dự án, công suất 648 MW
đ	+ Số lượng, tổng dung tích các hầm biogas được triển khai xây dựng qua các năm 2012-2018		
e	+ Số lượng, tổng công suất các dự án phát điện từ chất thải đã được đăng ký		1 dự án, công suất 37 MW
g	+ Số lượng, tổng công suất các dự án phát điện từ chất thải đã đi vào vận hành		1 dự án, công suất 37 MW
h	+ Số lượng, tổng công suất các dự án thủy điện nhỏ qua các năm 2012-2018		0
i	+ Số lượng mô hình phát triển cac-bon thấp đã được thử nghiệm và nhân rộng (liệt kê tên chi tiết)		0

Phụ lục 3. Bảng số liệu về kết quả thực hiện giải pháp tổng thể của Chiến lược

TT	Chỉ tiêu	Số liệu	
		2013	2018
1	Tạo chuyển biến mạnh mẽ về ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân trong BVMT		
1.1	Số hội nghị/hội thảo/diễn đàn về BVMT đã được tổ chức qua các năm 2012-2018	1%	2
	+Năm 2014: 1		
	+Năm 2015: 1		
	+Năm 2016: 2		
	+Năm 2017: 1		
1.2	Số lớp, khóa tập huấn/đào tạo về BVMT được tổ chức qua các năm 2012-2018	5	2
	+Năm 2014: 3		
	+Năm 2015: 7		
	+Năm 2016: 5		
	+Năm 2017: 4		
1.3	Số chương trình đào tạo trong các cấp học, bậc học có lồng ghép giáo dục môi trường và BDKH		
1.4	Số chuyên mục/ chương trình phát thanh, truyền hình về BVMT đã được thực hiện qua các năm 2012-2018 (liệt kê tên chi tiết các chuyên mục/ chương trình)		1
1.5	Số lượng chương trình, cuộc vận động về xây dựng lối sống thân thiện với môi trường được triển khai thực hiện qua các năm 2012-2018 (liệt kê tên các chương trình, cuộc vận động)		
1.6	Số tổ chức, cá nhân đạt các giải thưởng về môi trường qua các năm 2012-2018		3
	+Năm 2015: 2		
	+Năm 2016: 4		
	+Năm 2017: 2		
2	Hoàn thiện pháp luật, thể chế quản lý, tăng cường năng lực thực thi pháp luật về BVMT		
2.1	Số văn bản pháp luật về BVMT được ban hành giai đoạn 2012-2018 (đề nghị gửi kèm theo danh sách chi tiết)	10	6
	+Năm 2014: 8		
	+Năm 2015: 7		
	+Năm 2016: 8		
	+Năm 2017: 7		

	+Năm 2014:		
	+Năm 2015:		
	+Năm 2016:		
	+Năm 2017:		
2.12	Số vụ vi phạm pháp luật BVMT được phát hiện qua các năm 2012-2018	25	12
	+Năm 2014: 22		
	+Năm 2015: 84		
	+Năm 2016: 26		
	+Năm 2017: 11		
2.13	Số lượng, tỷ lệ cơ sở vi phạm các quy định pháp luật về BVMT qua các năm 2012-2018		
	+Năm 2014:		
	+Năm 2015:		
	+Năm 2016:		
	+Năm 2017:		
2.15	Số vụ vi phạm về môi trường do cảnh sát môi trường phát hiện qua các năm 2012-2018		
	+Năm 2014:		
	+Năm 2015:		
	+Năm 2016:		
	+Năm 2017:		
2.16	Số sự cố môi trường xảy ra qua các năm 2012-2018	0	0
2.17	Số lượng trạm quan trắc môi trường qua các năm 2012-2018	0	6
	Trong đó:		
	+ Số lượng xây mới		6
	+ Số trạm được đầu tư nâng cấp tự động hóa		
3	Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ về BVMT		
3.1	- Số lượng các đề tài khoa học và công nghệ về BVMT đã thực hiện qua các năm 2012-2018		43
3.2	Tổng số kinh phí đã cấp cho hoạt động nghiên cứu KHCN về BVMT qua các năm 2012-2018		80 tỷ đồng
3.3	- Số lượng công nghệ mới, tiên tiến về phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, khai thác, sử dụng hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, tiết kiệm năng lượng, sản xuất và sử dụng năng lượng sạch, tái tạo được phát triển, tiếp nhận chuyển giao (liệt kê tên chi tiết).		
3.4	- Số lượng công nghệ sản xuất, công nghệ xây dựng theo hướng ứng dụng công nghệ sản xuất, xây dựng tiêu tốn ít nguyên liệu, năng lượng, ít chất thải, cacbon thấp (liệt kê tên chi tiết).		

6.1	- Số lượng các dự án hợp tác quốc tế về BVMT (liệt kê tên các dự án)		0
6.2	- Kinh phí các dự án hợp tác quốc tế về BVMT giai đoạn 2012-2018		0

Phụ lục 4

Danh mục các văn bản chỉ đạo điều hành giai đoạn 2013 – 2019

- Kế hoạch số 337/KH-UBND ngày 27/02/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh năm 2013.

- Quyết định số 1180/QĐ-UBND ngày 25/6/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh Ban hành Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2013-2020.

- Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 02/7/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh Phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Quyết định 2631/QĐ-UBND ngày 13/12/2013 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

- Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 22/01/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc tăng cường công tác quản lý môi trường đối với các dự án, cơ sở hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 06/6/2013 của UBND tỉnh về việc tăng cường công tác thanh tra, xử lý các vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường theo phân cấp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 2214/QĐ-UBND ngày 01/11/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 1927/QĐ-UBND ngày 26/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thành lập Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh;

- Quyết định số 43/2013/QĐ-UBND ngày 26/9/2013 của UBND tỉnh về việc quy định mức thu và quản lý, sử dụng tiền thu phí bảo vệ môi trường đối với chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

- Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 04/4/2014 của UBND tỉnh phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 1975/QĐ-UBND ngày 04/9/2014 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 08/9/2014 của UBND tỉnh về thay đổi thành viên Ban chỉ đạo Bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Kế hoạch số 2257/KH-UBND ngày 15/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh năm 2015.

- Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 22/12/2014 về việc tăng cường công tác bảo vệ môi trường nước và bảo vệ nguồn lợi thuỷ sản trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 2406/QĐ-UBND ngày 21/11/2013 của UBND tỉnh về Quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2020 định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 1807/QĐ-UBND ngày 08/8/2014 của UBND tỉnh về phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Tây Ninh đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 21/2014/QĐ-UBND ngày 13/8/2014 của UBND tỉnh ban hành Quy hoạch phát triển hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 1277/QĐ-UBND ngày 10/6/2015 của UBND tỉnh về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 23/2014/QĐ-UBND ngày 5/9/2014 của UBND tỉnh về Quy định phân cấp quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 1456/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo Bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 1057/QĐ-UBND ngày 18/5/2015 của UBND tỉnh Tây Ninh Ban hành bảng đơn giá quan trắc và phân tích môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 1153/QĐ-UBND ngày 26/5/2015 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Kế hoạch triển khai phát triển sản xuất vật liệu không nung và lộ trình hạn chế sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 1958/QĐ-UBND ngày 31/8/2015 của UBND tỉnh về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo Bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 1455/QĐ-UBND ngày 25/6/2015 của UBND tỉnh về việc Ban hành quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện Kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh.

- Kế hoạch số 430/KH-UBND ngày 24/02/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh triển khai thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 18/3/2013 của Chính phủ về một số vấn đề cấp bách trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

- Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 07/6/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt đồ án quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.
- Chỉ thị số 09/CT-UBND ngày 21/7/2016 về việc thực hiện Kết luận số 02-KL/TW ngày 26/4/2016 của Ban bí thư Trung ương Đảng.
- Kế hoạch số 2958/KH-UBND ngày 19/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh năm 2017.
- Quyết định số 59/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.
- Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 07/6/2016 của UBND tỉnh ban hành Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.
- Quyết định số 40/2016/QĐ-UBND ngày 27/10/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh quy định việc phân công trách nhiệm và phân cấp quản lý về quản lý thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.
- Quyết định số 65/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt sử dụng nguồn ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.
- Kế hoạch số 1552/KH-UBND ngày 12/6/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh về thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2017-2020.
- Kế hoạch số 2348/KH-UBND ngày 05/9/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.
- Kế hoạch số 2653/KH-UBND ngày 04/10/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh về triển khai thực hiện Quyết định số 2053/QĐ-TTg ngày 28/10/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu.
- Kế hoạch số 2725/KH-UBND ngày 10/10/2017 của UBND tỉnh về Bảo vệ môi trường tỉnh Tây Ninh năm 2018.
- Quyết định số 1945/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của chủ tịch UBND tỉnh về việc thay đổi thành viên Ban chỉ đạo bảo vệ môi trường lưu vực hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.
- Quyết định số 1944/QĐ-UBND ngày 22/8/2017 của chủ tịch UBND tỉnh về việc thay đổi thành viên Ban chỉ đạo thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Tây Ninh.
- Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 07/12/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy định phân cấp nhiệm vụ chi, mức chi kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Kế hoạch số 960/KH-UBND ngày 23/4/2018 của UBND tỉnh Triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và Kế hoạch hành động quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2018 – 2022 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 23/2018/QĐ-UBND ngày 21/6/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Ban hành Quy định phân công trách nhiệm và phân cấp quản lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 1860/QĐ-UBND ngày 25/7/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành Quy chế phối hợp quản lý cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Kế hoạch số 1792/KH-UBND ngày 23/7/2018 của UBND tỉnh thực hiện các giải pháp quản lý nước thải công nghiệp dệt may có công đoạn nhuộm tại các khu công nghiệp, khu kinh tế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 2977/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt Đề án Mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018-2020.

- Quyết định số 3069/QĐ-UBND ngày 17/12/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND ngày 01/3/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết; phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Phụ lục 5

Danh mục các đề tài, dự án trong lĩnh vực bảo vệ môi trường

- Nghiên cứu quy hoạch xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Tây Ninh đến năm 2020.

- Xây dựng mạng quan trắc động tái nước dưới đất tỉnh Tây Ninh.

- Tái xuất bản cuốn: Đặc điểm khí hậu và thủy văn Tây Ninh.

- Nghiên cứu xây dựng mô hình xử lý khí thải của các lò nung gạch kiểu hoffman, đốt trâu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Nghiên cứu tính toán phát thải khí nhà kính, ô nhiễm không khí tại Tây Ninh và đề xuất các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu, xác định lĩnh vực có tiềm năng CDM.

- Xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu hoàn chỉnh phục vụ công tác ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn toàn tỉnh.

- Đánh giá ảnh hưởng của BĐKH đến lưu lượng, chất lượng nước và khả năng xâm nhập mặn các sông, rạch chính trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và đề xuất các giải pháp ứng phó.

- Quan trắc thành phần môi trường đất, nước, không khí trên địa bàn tỉnh hàng năm.

- Điều tra, đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường làng nghề; xây dựng kế hoạch, giải pháp, lộ trình bảo vệ môi trường, xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng mô hình toán đánh giá khả năng tự làm sạch của kênh rạch chính trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Điều tra, đánh giá hiện trạng ô nhiễm không khí do giao thông.

- Xây dựng Kế hoạch hành động thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh, giai đoạn 2014 – 2020.

- Báo cáo hiện trạng môi trường tỉnh Tây Ninh, giai đoạn 2011 – 2015.

- Thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu các nguồn thải, xây dựng phần mềm giám sát môi trường và đề xuất Kế hoạch quản lý, xử lý các nguồn thải thuộc lưu vực hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Nghiên cứu đề xuất công nghệ xử lý nước thải sau bể biogas phù hợp với điều kiện Tỉnh Tây Ninh.

- Điều tra, khảo sát, đánh giá và đề xuất giải pháp quản lý bền vững tài nguyên môi trường sông Vàm Cỏ Đông trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Đánh giá tiềm năng tiết kiệm năng lượng và sản xuất sạch hơn trong ngành chế biến tinh bột khoai mì trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Điều tra, xây dựng mô hình khu công nghiệp carbon thấp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Quy hoạch cấp nước vùng tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.

- Đề án tái cơ cấu ngành thuỷ lợi; nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thuỷ lợi hiện có trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Xây dựng Báo cáo chuyên đề về môi trường tỉnh Tây Ninh năm 2016: Một số giải pháp cấp bách bảo vệ nguồn nước hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Xây dựng bộ chỉ thị môi trường tỉnh Tây Ninh.

- Lập Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2035.

- Điều tra, cập nhật cơ sở dữ liệu nguồn thải thuộc lưu vực hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Xây dựng kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Mô hình xử lý chất thải thí điểm cho một số cơ sở, hộ sản xuất ngành nghề điển hình và định hướng nhân rộng mô hình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Xây dựng trang thông tin điện tử quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Đề án phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2020.

- Mua sắm thiết bị trạm quan trắc nước mặt tự động năm 2017.

- Mua sắm thiết bị trạm quan trắc nước mặt tự động năm 2018.

- Kế hoạch quan trắc môi trường năm 2018

- Xây dựng Đề án ngăn ngừa và kiểm soát sinh vật ngoại lai xâm hại trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Điều tra, đánh giá và lập bản đồ phân vùng sinh thái, xác định các vùng sinh thái có đa dạng sinh học cao, các vùng sinh thái bị suy thoái, các vùng sinh thái nhạy cảm.

- Điều tra, thu thập và lập danh mục, sơ đồ phân bố, chỉ dẫn địa lý của nguồn gen và tri thức truyền thống về nguồn gen.

- Cập nhật cơ sở dữ liệu các nguồn thải thuộc lưu vực hệ thống sông Đồng Nai trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu quan trắc tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Nghiên cứu, đánh giá tác động của BĐKH đến các công trình hạ tầng quản lý nguồn nước phục vụ nông nghiệp của tỉnh Tây Ninh.

- Xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Đánh giá khí hậu địa phương.
- Xây dựng, triển khai phương án ứng phó các tình huống do thiên tai ảnh hưởng đến sản xuất, đời sống của nhân dân và bảo đảm quốc phòng, an ninh. Nâng cao năng lực phòng, chống dịch bệnh.
- Điều tra, đánh giá, phân loại và xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn thải năm 2019.
- Đầu tư mua sắm trang thiết bị trạm quan trắc không khí tự động tỉnh Tây Ninh năm 2019.